

PHỔ BA KIM CƯƠNG

Soạn dịch: HUYỀN THANH

Phổ Ba Kim Cương, tên Phạn là **Vajra-kilaya**, tên Tây Tạng là **Dorje-phurba**, dịch âm là Đa Kiệt Hùng Nỗ, dịch ý là Nhu Đồng Kim Cương

Hai chữ **Phổ Ba** (Phurba) là ngôn ngữ Tây Tạng, nghĩa là **cây cọc** (quyết) nguyên là một loại công cụ mà dân tộc du mục Tây Tạng dùng để cắm giữ cố định liều vải của họ, sau này trở thành một trong những Pháp Khí quan trọng của các Tôn trong Phật Giáo Tây Tạng.

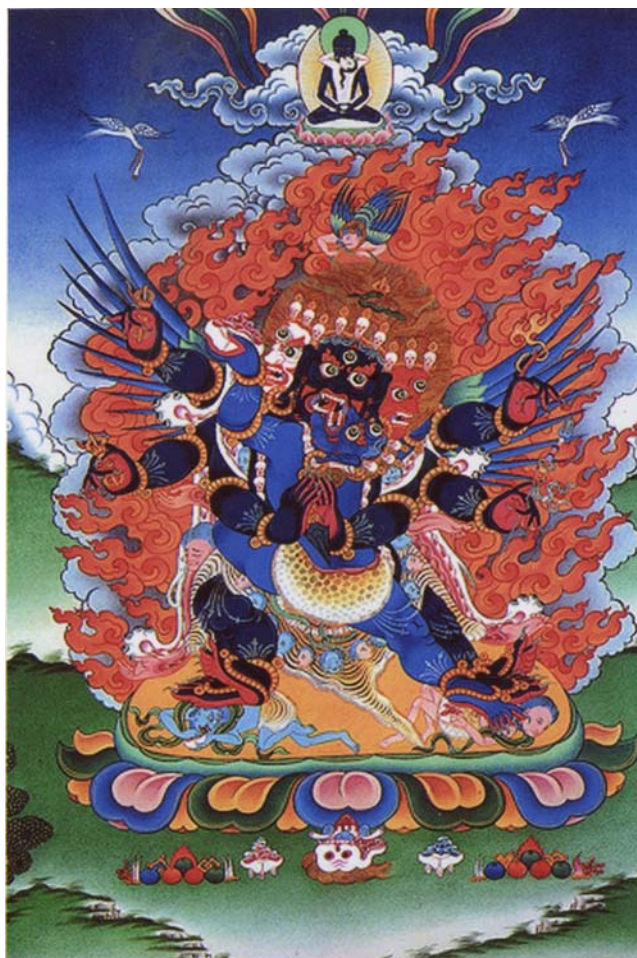


Do Pháp Khí chủ yếu được Vajra-kilaya nắm giữ trong bàn tay là **Phurba** nên Tôn này có tên gọi là **Phổ Ba Kim Cương** và cây cọc Kim Cương được gọi là **Phổ Ba Chử** (chày Phurba)

Theo truyền thuyết của người Tây Tạng, thời xưa có một vị Đại Lực Quý Thần **Lâm Đương Lỗ Trát** có đủ ba đầu, sáu cánh tay, bốn Tộc, hai cái cánh... trụ ở trong **rừng Thi Đà** (Sita-vana) gây nguy hại cho hữu tình trong ba cõi. Thời **Cát Mã Hắc Lỗ La** (tướng phần nô của Kim Cương Tát Đỏa) vì giáng phục vị Đại Lực Quý Thần này mới hóa thân làm **Phổ Ba Kim Cương** đồng một hình tướng với vị Đại Lực Quý Thần này có đủ Uy Lực lớn, cuối cùng tột phục vị Đại Lực Quý Thần với tất cả chúng Ma

Hình tướng của **Phổ Ba Kim Cương**: Thân màu lam đen có ba đầu sáu cánh tay, đầu đội mũ năm đầu lâu, trên cổ đeo ba vòng chuỗi đầu người kèm với rắn trang sức, khoác áo da voi da người, mặc quần da cạp, sau lưng có hai cái cánh sắc bén như cây kiếm. Sáu cánh tay: bên phải: tay thứ nhất cầm **Thiên Thiết Chế Cửu Cổ Kim Cương Chử** (chày Kim Cương 9 nhánh), tay thứ hai cầm **Kim Chế Ngũ Cổ Kim Cương Chử** (chày Kim Cương năm nhánh). Bên trái: tay thứ nhất cầm lửa Trí Bát Nhã, tay thứ hai cầm **Tam Xoa Tập** (cái đỉnh ba). Hai tay phải trái thứ ba chấp lại nâng giữ **Đơn Diện Kim Cương Quyết** (Chày Phurba). Bàn chân phải đạp lên lưng của Ma nam, bàn chân trái đạp lên ngực của Ma nữ, an trụ trong lửa Bát Nhã, ôm giữ Phật Mẫu tên là **Lạc Cách Tân Mẫu** có da màu xanh lam nhạt, tay phải cầm hoa Ô Bà La (Utpāla) [cũng có truyền thừa là cầm **Thiên Trượng** Khaṭvaṅga], tay trái cầm cái

bát đầu lâu (Kapāla) chứa đầy máu, mặc quần da beo cùng với **Phật Phụ** (Phổ Ba Kim Cương) hiện tướng **song vận Đại Lạc**



Ý nghĩa của hình tượng:

.) Ba đầu có ba màu biểu tượng cho ba độc thanh tịnh.

Đầu bên phải màu trắng biểu thị cho tướng phần nộ của **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī-bodhisatva) tức **Đại Uy Đức Kim Cương** (Yamāntaka) là đại biểu cho **thân** (Kāya) của chư Phật

Đầu bên trái màu hồng biểu thị cho tướng phần nộ của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha) [hoặc **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva)] tức **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva) là đại biểu cho **Ngũ** (Vāk) của chư Phật

Đầu chính giữa màu xanh lam biểu thị cho tướng phần nộ của **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva), tức **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vakra-pāṇi) là đại biểu cho **Ý** (Citta:Tâm) của chư Phật.

.)Đội mao năm đầu lâu biểu thị cho Trí Tuệ của Phật ở năm phương

.)Da voi biểu thị cho sự giáng phục ngu si

.)Da người biểu thị cho sự giáng phục tham ái

.)Da cạp biểu thị cho sự giáng phục sân hận

.)Rắn trên cổ biểu thị cho Bản Tôn có đầy đủ Uy Lực giáng phục loài Rồng, hay thống trị tất cả

.)Hai vòng chuỗi đầu người chảy máu tượng trưng cho sự chinh phục những khuyết điểm của vọng tưởng, Tà Niệm, giả dối. Vòng chuỗi còn lại là đầu lâu trắng tượng trưng cho **Tính trống rỗng** (Śūnyatā: Không Tính)

)Tay phải thứ nhất cầm **Thiên Thiết Chế Cửu Cổ Kim Cương Chủ** biểu thị cho sự phần nộ thâm nhiếp tất cả chúng sinh thuộc **chín Thừa** trong ba cõi

)Tay phải thứ hai cầm **Kim Chế Ngũ Cổ Kim Cương Chủ** biểu thị cho sự mừng vui chuyên năm Độc thành năm Trí.

)Tay trái thứ nhất cầm lửa Trí Bát Nhã biểu thị cho sự thiêu đốt hết tất cả khổ não

)Tay trái thứ hai cầm **Tam Xoa Tập** (cái đinh ba) biểu thị cho sự nhiếp hết Không Hành Mẫu trong ba cõi)

)Hai tay trái phải thứ ba nâng giữ **Đơn Diện Kim Cương Quyết** (chày Phurba) biểu thị cho sự **Tịnh Trừ** tất cả Ma Chướng Phiền Não

)Hai bàn chân đạp lên lưng của Ma nam, hai bàn chân đạp lên ngực của Ma nữ biểu thị cho sự giáng phục **bốn Ma**

)An trụ trong lửa Trí Bát Nhã biểu thị cho sự an trụ trong **Tính trống rỗng** thiêu đốt tất cả phiền não

Theo ý nghĩa khác thì **chữ Phổ** biểu thị cho nghĩa của **Không Tính** (Śūnyatā), **chữ Ba** biểu thị cho **Trí Tuệ** (Prajña), **Phổ Ba** (Phurba) tức là **Không Tính** với **Trí Tuệ** kết hợp thành Thê Tính chẳng hai (bất nhị Thê Tính)

Tu trì Pháp **Phổ Ba** nhằm đoạn trừ tất cả Tham Chấp của Tụ Ngã, tiêu trừ sự sợ hãi khiếp sợ tại Nội Tâm. Như điều này mới hai hiểu thấu Tính của Pháp Giới, cũng tức là chẳng ở tại sự giáng phục vật bên ngoài mà là **liễu ngộ** bản tính tại Nội Tâm của chính mình

Phổ Ba Kim Cương Chú:

)**Phật Thuyết Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Tam Muội Đại Giáo Vương Kinh, quyển 15** ghi nhận **Kim Cương Quyết Chân Ngôn** là:

Trong Mạn Noa La cần phải dùng
Cây **Khiết Nĩ La** (Khadira) làm cái cọc
Dây ấy gấp bội, y Pháp Nghi
Làm xong tùy lượng giảng Đàn Vị
Đại Minh dùng cây cọc là:

“**Án, phộc nhật-la, kế la (1) kế la dã, tát lý-phộc, vĩ cận-năng, hồng, phát tra (2)**”

ॐ वज्रकिलकिलयसर्वविघ्नहृन् ह्रूं ह्रूं

OM _ VAJRA-KĪLA KĪLAYA_ SARVA VIGHNA HŪM PHAT

)**Phật Thuyết Đại Thừa Quán Tướng Mạn Noa La Tịnh Chư Ác Thú Kinh, quyển 2** ghi nhận là:

Lại nữa, kết **Căn Bản Án**, tụng **Khiển Ma Chân Ngôn** với xung chữ **Hồng** (HŪM) như thế múa theo bên phải với như tướng tự tại của Minh Vương xoay chuyên quanh đất ấy. Tụng Chân Ngôn **Phát Khiển Nhất Thiết Ma** . Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, kế lý cát lý (1) tát lý-phộc, vĩ già-năng, mãn đà, hồng phát tra (2)**”

ॐ वज्रकिलकिलयसर्वविघ्नहृन् ह्रूं ह्रूं

OM_ VAJRA-KĪLI KĪLE SARVA VIGHNAM BANDHA HŪM PHAT

Phật Thuyết Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Tam Nghiệp Tối Thượng Bí Mật Đại Giáo Vương Kinh Quyển 4 ghi chép là:

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nhập vào Kim Cương Phộc Tam Ma Địa (Nibandhana-vajra-samādhī) thuộc thân ngữ tâm của tất cả Như Lai. Từ Định xuất ra xong, dùng ba nghiệp Kim Cương tuyên nói Tam Giới Thân Ngữ Tâm Kim Cương Quyết Đại Minh là:

“**Án (1) già già, già đa dã, già đa dã (2) tát lý-phộc nậu sắt-dảm, phát tra, phát tra (3) kế la dã, kế la dã (4) tát lý-phộc bá báng, phát tra, phát tra (5) hồng hồng hồng (6) phộc nhật-la kế la (7) phộc nhật-la đà lỗ (8) nghe-dã bát dã để (9) ca dã, phộc cật-túc đa (10) phộc nhật-la kế la dã, hồng, phát tra (11)**”

ॐ यय ययययय स व इ श्रू किलय रुद्ररुद्र किलयकिलय स व यय रुद्ररुद्र ह्र ह्र ह्र वज्रकिल वज्ररुद्र श्रू यय (ग यय व वज्रकिलय ह्र रुद्र

OM GHA GHA GHATĀYA GHATĀYA SARVA DUṢṬĀN-KĪLĀYA PHAT PHAT KĪLĀYA KĪLĀYA SARVA PĀPĀM PHAT PHAT HŪM HŪM HŪM VAJRA-KĪLA VAJRA-DHĀRA ĀJÑĀPAYATI KĀYA VĀK-CITTA VAJRA-KĪLĀYA HŪM PHAT

.)Cựu dịch **Ninh Mã Cát Tường Phổ Ba Kim Cương Thành Tựu Tâm Yếu Tông Thích** đối với nghĩa của **Phổ Ba Chú** đã giải thích như bên dưới

OM VAJRA-KILI KILAYA SAVRA BIGHNANA BAM HUM PHAT
(?Om vajra-kili-kilaya sarva vighnam vam hūm phat)

OM: biểu thị cho năm Thân với năm Trí

VAJRA: biểu thị cho Bản Tính Vô Vi của ba thời quá khứ hiện tại vị lai

KILI: biểu thị cho sự thúc giục Bản Tôn với **cây cọc Phổ Ba** (Phổ Ba quyết)

KILIYA: biểu thị cho sự dùng cái chày Phổ Ba đâm giết

SAVRA (?SARVA): biểu thị cho Oán Địch, Ma Ngại

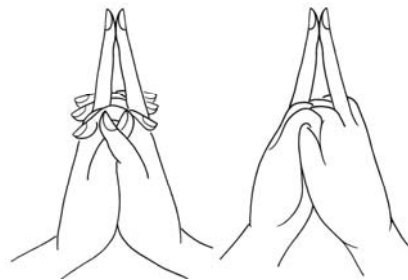
BIGHNANA (?VIGHANAM): biểu thị cho sự tòi phục thế lực của các Duyên trái nghịch

BAM, HUM (?VAM HŪM): hai Chú này đồng biểu thị cho sự ôm nhiếp điều phục

PHAT (?PHAT): biểu thị cho sự vượt thoát thế lực của các Duyên trái nghịch

Phổ Ba Kim Cương Thủ Ấn:

Hai tay tác Ngoại Phộc (hoặc Nội Phộc), dựng thẳng đứng hai ngón giữa cùng tiếp chạm nhau



Chữ Chủng Tử của Phổ Ba Kim Cương là: HŪM (ॐ)

Lược thuật lợi ích của **Phổ Ba Kim Cương Trừ Chướng Pháp**

- 1_ Ngăn chặn Tà Sư, Chú ác với Chú Trớ
- 2_ Ngăn chặn sự chướng ngại của **La Hầu** (Rāhu), Tinh Tú
- 3_ Ngăn chặn Ma Chướng lớn nhỏ
- 4_ Ngăn chặn tai vạ: động đất, nước, gió, lửa
- 5_ Ngăn chặn sự chướng ngại do chết yếu
- 6_ Ngăn chặn sự chướng ngại do **Hòn Phách** tan mất
- 7_ Ngăn chặn tai vạ do văn thư của Quan Phủ không có chính đúng
- 8_ Ngăn chặn sự chướng ngại do miệng lưỡi đúng sai
- 9_ Ngăn chặn họa loạn do nước ngoài vào xâm lược
- 10_ Ngăn chặn hiển hiển tướng loạn của đời ác
- 11_ Ngăn chặn sự lan rộng ra khắp bốn phương của bệnh tật, ôn dịch
- 12_ Ngăn chặn sự phát sinh họa loạn của chiến tranh
- 13_ Ngăn chặn mọi loại tai hại cho việc làm ruộng rẫy
- 14_ Ngăn chặn tai vạ do trộm nhỏ, cường đạo cướp đoạt tài phú
- 15_ Ngăn chặn tai vạ do Quỷ Thần trong nhà gây chướng ngại
- 16_ Ngăn chặn sự gây chướng ngại của Anh Linh, Quỷ nhỏ
- 17_ Ngăn chặn tai họa phạm đến Phong Thủy của mồ mả Tổ Tiên
- 18_ Ngăn chặn tai họa của **Sinh Thần Lưu Niên**
- 19_ Ngăn chặn sự thống khổ với phiền não của Thân Tâm
- 20_ Ngăn chặn sự chướng ngại do biến động chẳng xác định được trên sự nghiệp
- 21_ Ngăn chặn tai vạ của sự độc hại.....

24/03/2014